

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, khi nói đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì vấn đề hiệu quả kinh tế luôn được các doanh nghiệp quan tâm và chú trọng. Đây là sự so sánh giữa toàn bộ chi phí bỏ ra và kết quả thu lại được. Muốn làm được điều này đòi hỏi mỗi chúng ta phải có trí thức trong hoạt động sản xuất và quản lý.

Tiêu thụ hàng hóa là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, nó có vị trí đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khâu tiêu thụ hàng hóa của quá trình sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp gắn liền với thị trường, luôn luôn vận động và phát triển theo sự biến động phức tạp của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác tiêu thụ hàng hóa luôn luôn được nghiên cứu, tìm tòi, bổ xung để hoàn thiện hơn cả về lý luận lẫn thực tiễn, nhằm mục đích không ngừng nâng cao hiệu quả của kinh doanh, hiệu năng quản lý.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán tiêu thụ hàng hóa, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần hàng hải Vinh Phú, em đã đi sâu tìm hiểu và nghiên cứu lý luận của công tác hạch toán tiêu thụ hàng hóa tại công ty. Hoạt động tiêu thụ hàng hóa của công ty rất đa dạng và phong phú, cùng với số vốn kiến thức học được trên ghế nhà trường em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú”**.

Vì thời gian thực tập có hạn và bản thân còn bị hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ đạo chân tình của cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo, Th.S Nguyễn Thị Mai Linh và phòng kế toán công ty.

Nội dung chính của khóa luận bao gồm 3 phần:

Phần I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Phần II: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.

Phần III: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Doanh thu bán hàng và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền bán hàng (tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ...) thu được. Còn kết quả kinh doanh thể hiện cái mà doanh nghiệp đã thu được sau khi trừ đi các chi phí đã bỏ ra. Vậy để tăng được lợi nhuận thì ngoài việc phải tăng doanh thu, doanh nghiệp còn phải tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ. Và để phản ánh được đầy đủ doanh thu, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và kế toán xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng.

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kì dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra,các khoản giảm trừ vào tài khoản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kì nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết,giúp người quản lí nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, **Doanh thu và thu nhập** khác ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả (5) điều kiện sau:

(1) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

(2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.

(3) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(4) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

(5) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

(1) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

(2) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

(3) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập BCDKT

(4) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu,

không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu

- Phương thức gửi hàng: Theo phương pháp này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

- Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán

- Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính

- Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

- Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu ra.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hoạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi do cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu từ cho thuê quyền sở hữu, sử dụng tài sản, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, chiết khấu thanh toán được hưởng, thu nhập khác có liên quan đến hoạt động tài chính.

***Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp)

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối thanh toán và trả lại do người bán vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh giảm doanh thu thuần của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là số thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng là người chịu thuế.

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng...

1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ/BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định.

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá thành sản xuất của sản phẩm, dịch vụ, giá thực tế của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn bao gồm giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm giá trị mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí bán hàng:** Là chi phí đơn vị bỏ ra trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như: chi phí đóng gói, vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ sản phẩm tiêu thụ, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm...Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được thuận lợi, đạt được những mục tiêu danh lợi đã đặt ra, doanh nghiệp phải bỏ ra các chi phí để thực hiện công tác tiếp thị, quảng cáo, bao gói, chi phí bảo hành, lương nhân viên bán hàng, khấu hao ở bộ phận bán hàng, chi phí vật liệu, dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài...gọi chung là chi phí bán hàng. Nói một cách cụ thể hơn chi phí bán hàng là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều khoản cụ thể có nội dung, công dụng khác nhau.

- **Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- **Chi phí khác:** là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

+ Bị phạt thuế, truy nộp thuế

+ Các khoản chi phí khác

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp

$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$

Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm, là căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp năm tài chính.

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{trước thuế của} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp từ} \\ \text{hoạt động bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về} \\ \text{bán hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn hàng bán, chi phí} \\ \text{bán hàng và chi phí quản} \\ \text{lý doanh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau} \\ \text{thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lợi} \\ \text{nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế} \\ \text{thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT - 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14-BH)

- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15-BH)

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng...)
- Các chứng từ có liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ...
- Phiếu xuất kho và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

- Kết cấu của TK 511:

Bên nợ:

+ Các khoản giảm doanh thu bán hàng (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại)

+ Số thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số thành phẩm được xác định trong kỳ.

+ Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang TK911- xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư, tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

Kết cấu của TK 512

Bên nợ:

- Phản ánh trị giá hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong nội bộ.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa đã bán nội bộ

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư, tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại

Kết cấu của TK 521:

Bên nợ: Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

TK 521 không có số dư, TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211: Chiết khấu hàng hóa

TK 5212: Chiết khấu thành phẩm

TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại

Kết cấu của TK 531:

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ của TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư

Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán

Kết cấu của TK 532:

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

TK 532 không có số dư.

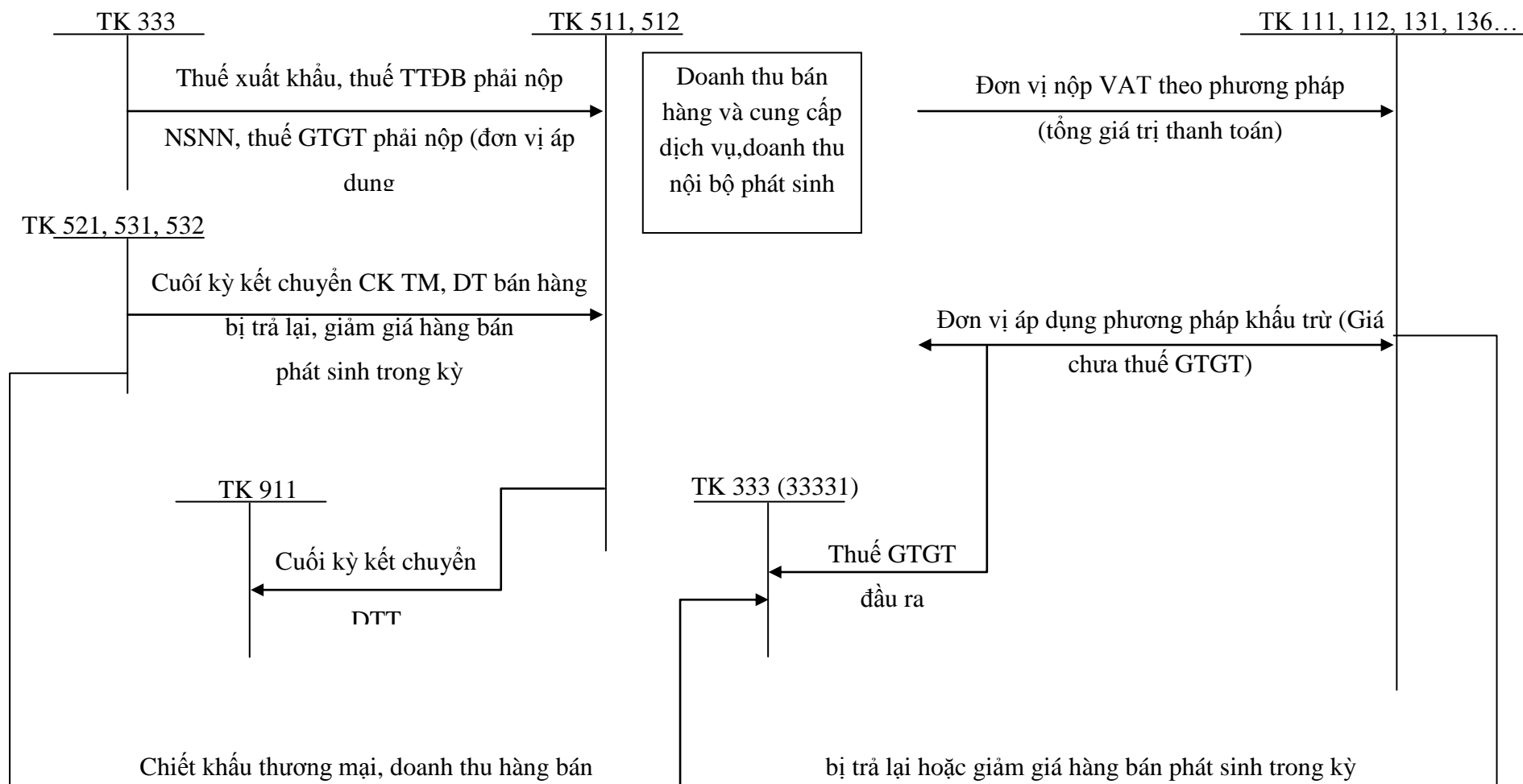
Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

Tài khoản này phản ánh các quan hệ của doanh nghiệp với nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ kế toán năm

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01-GTGT-322)

1.2.2.2 Tài khoản kế toán sử dụng.

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng **TK 632 “Giá vốn hàng bán”**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng **TK 631 “Giá thành sản xuất”**

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Tài khoản này phản ánh trị giá hàng hóa, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

*** Kết cấu TK 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Bên nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trích lập số dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành

Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 511
- Hoàn thành dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

Tài khoản 632 không có số dư

*** Kết cấu TK 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Hoàn thành dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư

Tài khoản 631: Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn...trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Bên nợ:

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên có:

-Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”

-Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”

Tài khoản 632 không có số dư

1.2.2.3 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mau hàng phân bổ cho số hàng đã bán

Do mỗi doanh nghiệp có đặc điểm riêng, yêu cầu trình độ quản lý, điều kiện trang thiết bị khác nhau mà phương pháp xác định trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho phù hợp. Theo chuẩn mực 02 hàng tồn kho ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001. Việc tính giá thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong 4 phương pháp sau:

** Phương pháp thực tế đích danh:*

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

** Phương pháp bình quân gia quyền:*

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

** Phương pháp nhập trước – xuất trước*

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì trị giá hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ

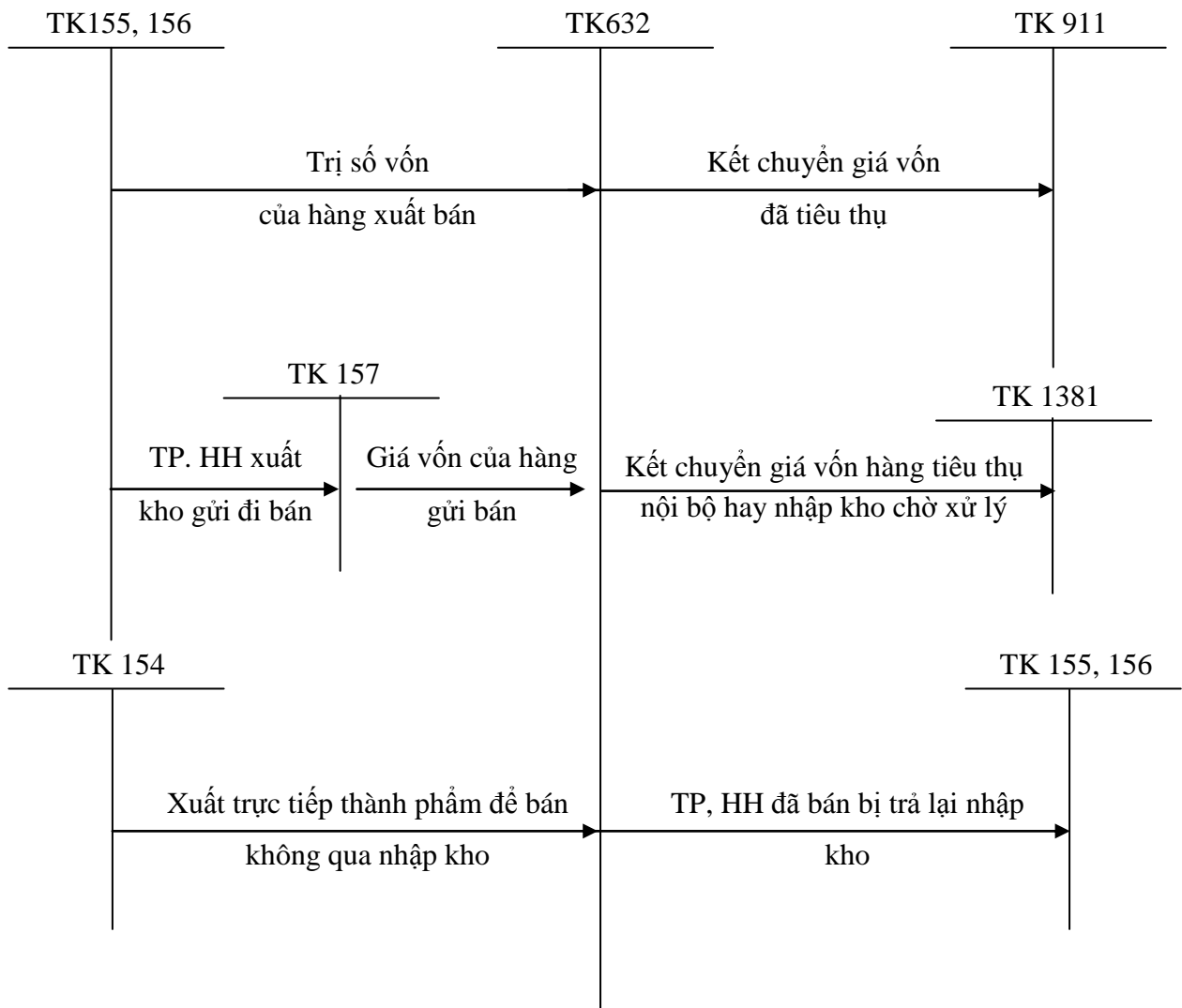
hoặc gần cuối kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

** Phương pháp nhập sau – xuất trước*

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên

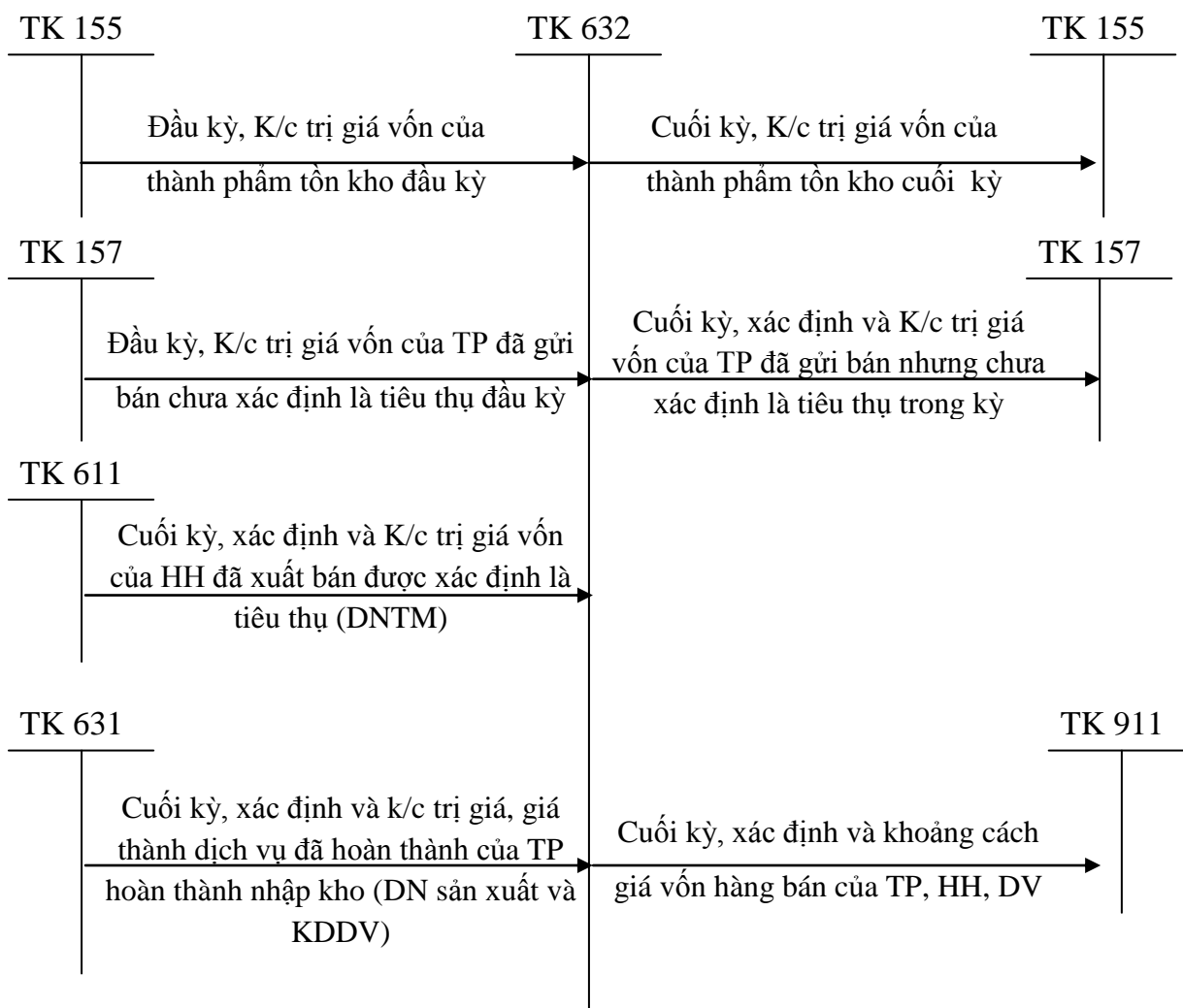
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên thể hiện qua sơ đồ 1.2

Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ thể hiện qua sơ đồ 1.3

Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL)
- Bảng tính phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL –CCDC (Mẫu số 07-VT)

Các chứng từ gốc liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

TK 641: Chi phí bán hàng

Kết cấu của TK 641:

Bên nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

TK 641 không có số dư, TK 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411: chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412: chi phí vật liệu bao bì
- Tài khoản 6413: chi phí dụng cụ đồ dùng
- Tài khoản 6414: chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415: chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417: chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418: chi phí bằng tiền khác

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí dụng cụ văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như sau: Phân bổ theo doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

Kết cấu tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

Bên Nợ:

- Tập hợp chi phí bán hàng, chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ

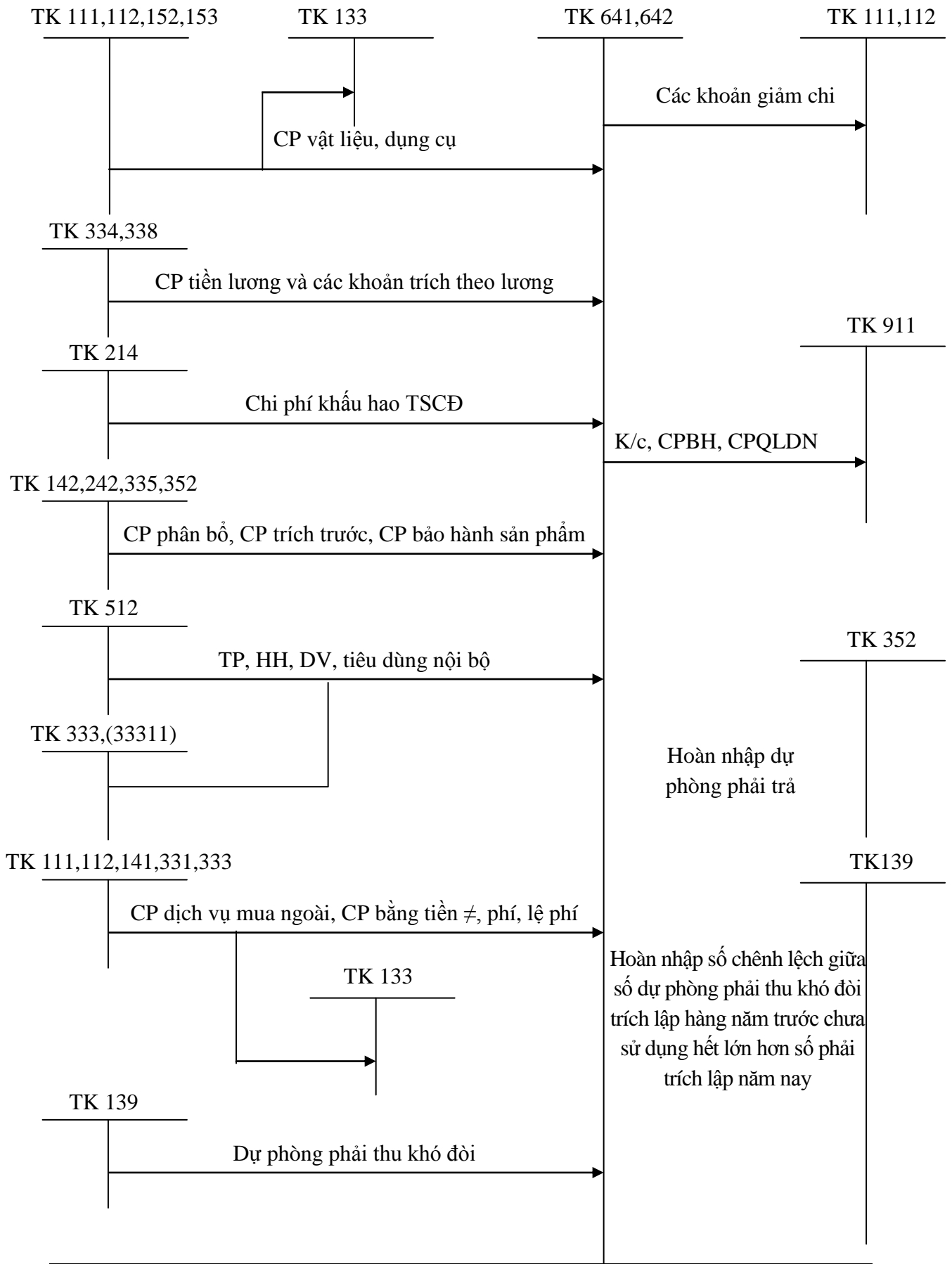
Bên Có:

- Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp
- K/c CPQLDN trong kỳ vào bên nợ TK 911

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.4:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các hợp đồng vay vốn
- Giấy báo nợ, Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác: phiếu thu, phiếu chi...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh... của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản này như sau

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoang thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính

Tài khoản 515 không có số dư

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản này như sau

Bên nợ :

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Lãi bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán cá khaonr đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh
- Các khoản chi phí tài chính khác

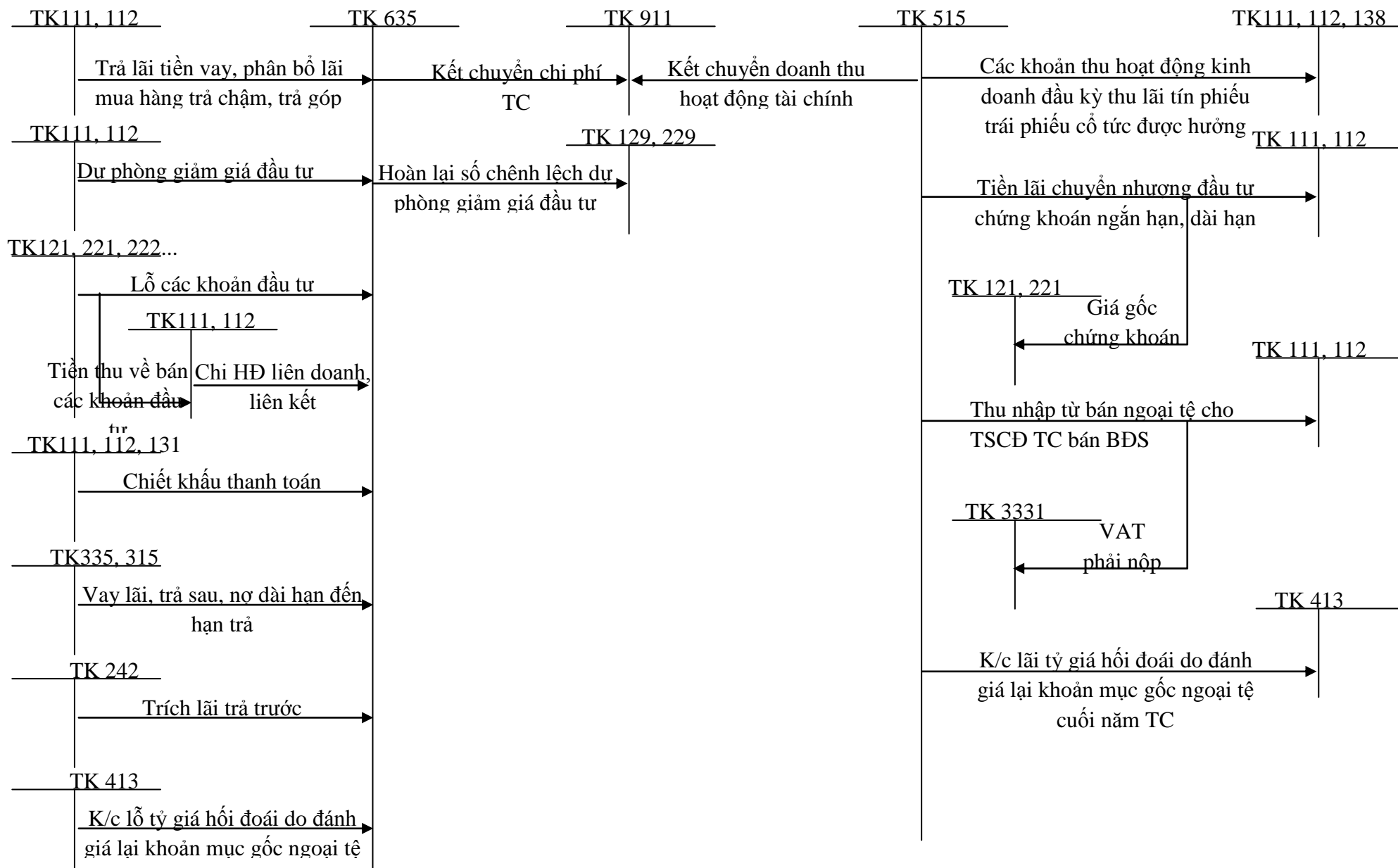
Bên có:

- các khoản giảm chi phí tài chính
- cuối kỳ k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định KQKD

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu tài chính và chi phí tài chính



1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng: Hợp đồng mua bán, biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ...

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711: thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911

Bên có:

Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư

Tài khoản 811: Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

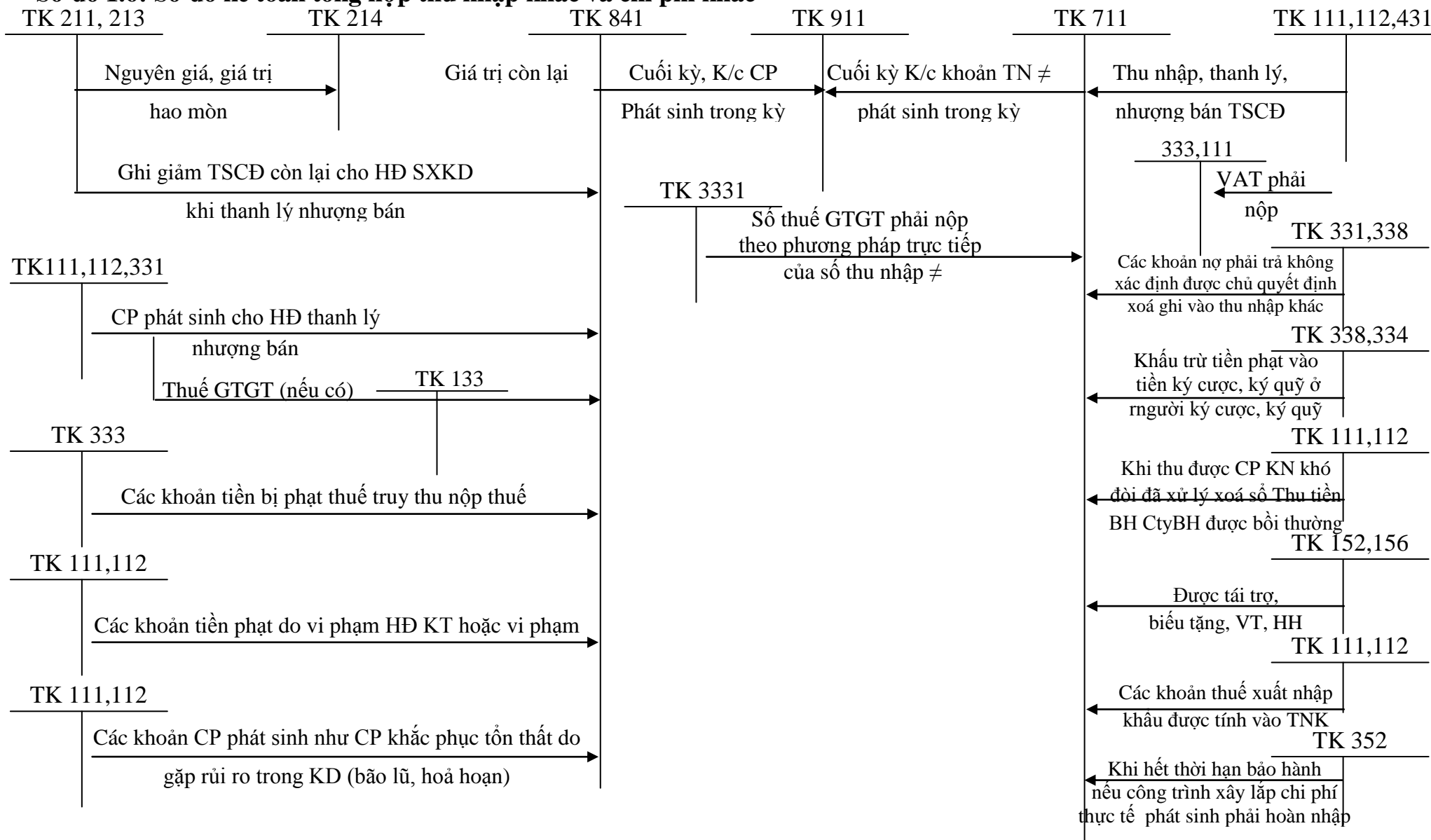
Bên có:

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911

Tài khoản 811 không có số dư

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán tổng hợp thu nhập khác và chi phí khác



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu tài khoản như sau :

Bên Nợ:

- Trị giá vốn sản phẩm hàng hóa , lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ
- CPBH ,CPQLDN
- Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác
- k/c lãi sau thuế

Bên có:

- doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, lao vụ dịch vụ hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ
- doanh thu hoạt động tài chính
- thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- K/c lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 821 : Chi phí thuế TNDN

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của Doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của Doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Bên có :

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

-Kết chuyển CP thuế TNDN sang TK 911 “ Xác định KQKD”

TK 821 không có số dư cuối kỳ

TK 821 có 2 TK cấp 2

TK 8211 – Cp thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8222 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Tài khoản 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia LN hoặc xử lý lỗ của Doanh nghiệp

Bên nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp

-Trích lập các quỹ của Doanh nghiệp

-Chi cổ tức lợi nhuận cho các cổ đông,các nhà đầu tư,các bên tham gia

liên doanh.

-Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

-Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên có :

-Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ

-Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên,số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.

-Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Số dư Bên Nợ : Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

Số dư Bên Có : Cố lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

TK 421 có 2 tài khoản cấp 2:

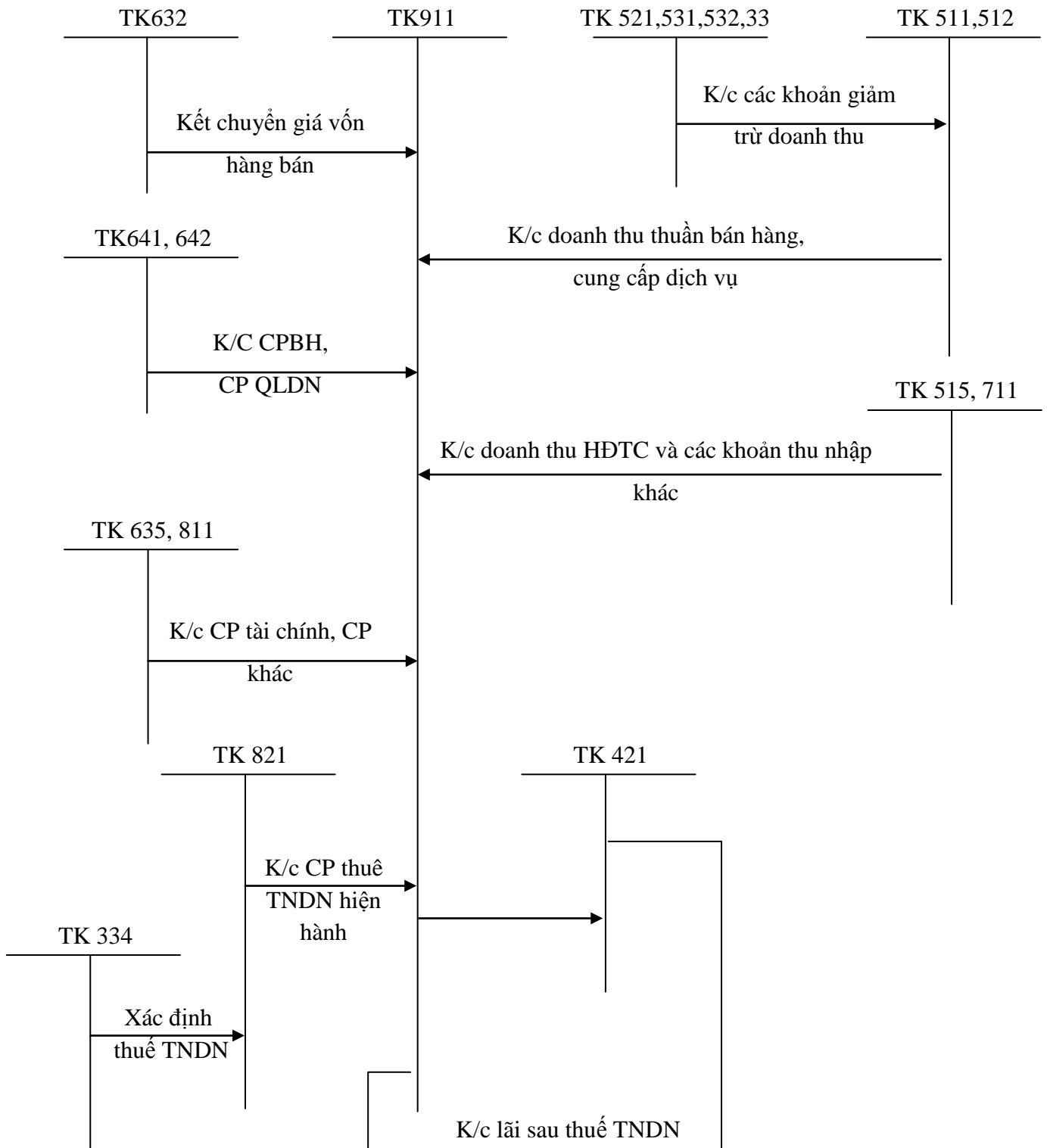
TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.2.7.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI VINH PHÚ

2.1 Khái quát chung về công ty CPTM hàng hải Vinh Phú

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

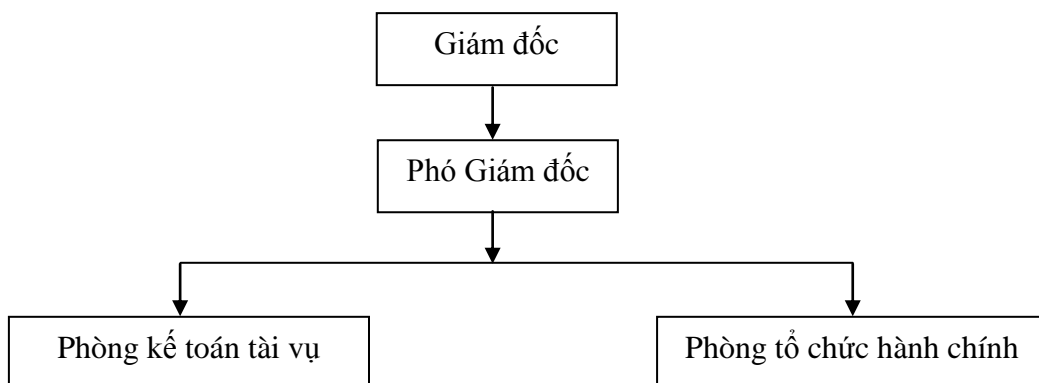
- Tên công ty: Công ty cổ phần thương mại hàng hải Vinh Phú
- Địa chỉ: 48A Phương Lưu – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Mã số thuế: 0200607585

Được thành lập từ năm 2006 với số vốn đầu tư 4,5 tỷ đồng, đến nay Công ty CP TM hàng hải Vinh Phú đã trải qua hơn 4 năm trưởng thành và phát triển. Năm 2008 và 2009 được xem là năm khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Tuy nhiên với tầm nhìn của Ban lãnh đạo và sự quyết tâm của cán bộ công nhân viên, công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trong khoảng thời gian này công ty đã ký kết được các hợp đồng mang lại hiệu quả kinh tế cao. Công ty chuyên bán các thiết bị cho các công ty trên địa bàn.

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh thiết bị hàng hải

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Hiện nay bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng như sau:



- **Giám đốc Công ty:** là người đứng đầu Công ty, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, có quyền ký kết hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh. Có quyền tổ chức bộ máy quản lý, đề bạt, bãi miễn,...cán bộ nhân viên dưới quyền theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của Công ty. Chịu trách nhiệm về công ăn việc làm, về đời sống vật chất tinh thần và mọi quyền lợi hợp pháp khác cho CBCNV.

- **Phó Giám đốc Công ty:** trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về cơ cấu tổ chức, lao động tiền lương, công tác thi đua, công tác thanh tra bảo vệ chính trị nội bộ..., lập và đề ra các chiến lược phát triển kinh doanh đồng thời giám sát, chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng các chiến lược đó.

Các phòng chức năng:

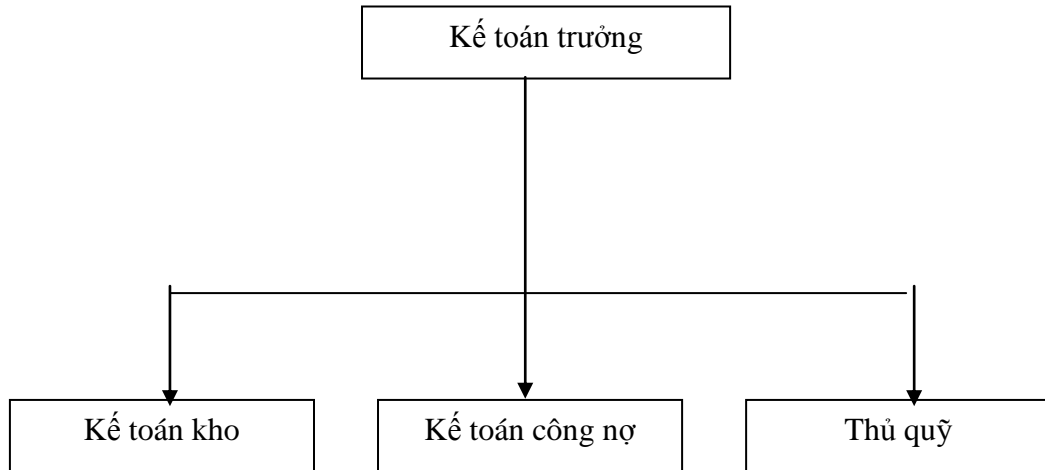
+ **Phòng Kế toán - tài vụ:** có thể nói phòng Kế toán - tài vụ là cánh tay phải giúp việc cho giám đốc doanh nghiệp. Họ phải theo dõi thu- chi, cân bằng tài chính trong công ty và có nhiệm vụ báo cáo với giám đốc công ty để giám đốc có thể nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình đang có chiều hướng đi lên hay ngược lại để có kế hoạch điều chỉnh.

+ **Phòng tổ chức hành chính:** có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân lực con người trong Công ty thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ công nhân viên đảm bảo quyền lợi cho công nhân sắp xếp bố trí thay đổi nhân lực sao cho phù hợp với tay nghề và sức khoẻ của từng người.

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán



Phòng Kế toán tài chính:

*Để công tác kế toán có tác dụng tích cực đối với quản lý thì công việc vô cùng quan trọng là phải tổ chức bộ máy kế toán như thế nào cho hợp lý. Căn cứ tình hình tổ chức công tác kế toán, đặc điểm tổ chức kinh doanh và khả năng, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có, toàn công ty đã có một hệ thống kế toán hoàn chỉnh từ phòng kế toán đến các xí nghiệp đảm bảo các nghiệp vụ phát sinh đều được phản ánh kịp thời.

Phòng Kế toán tài chính của công ty có nhiệm vụ hạch toán toàn bộ quá trình kinh doanh của công ty.

* ***Tổ kế toán công nợ:*** Tổ chức theo dõi và hạch toán kế toán toàn bộ hoạt động mua hàng của công ty, mua hàng khai thác của các công ty khác

Hạch toán mua hàng ở TK 156, 151, 331 lập các bảng kê theo dõi chi tiết các TK 331, 156, 151

Và Kế toán toàn bộ hoạt động bán hàng bao gồm : theo dõi xuất bán trực tiếp cho khách hàng và kế toán theo dõi công nợ phải thu của khách hàng

Hạch toán các nghiệp vụ bán hàng trên các TK 131, 511, 512, 632.

* **Tổ kế toán kho hàng:** Tổ này có nhiệm vụ kế toán toàn bộ hoạt động xuất - nhập - tồn kho hàng hoá ở các kho của công ty và theo dõi tình hình nhập xuất tồn hàng hoá toàn công ty.

Hạch toán các nghiệp vụ về kho hàng trên TK 156, ghi chép trên các sổ sách kế toán chi tiết là các sổ sổ dư theo dõi việc ghi chép trên các thẻ kho

***Thủ quỹ:** Theo dõi số tiền mặt trong quỹ của Công ty , tăng, giảm tiền mặt
Hạch toán vào Tk 111, sổ quỹ Tiền mặt

2.1.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại công ty

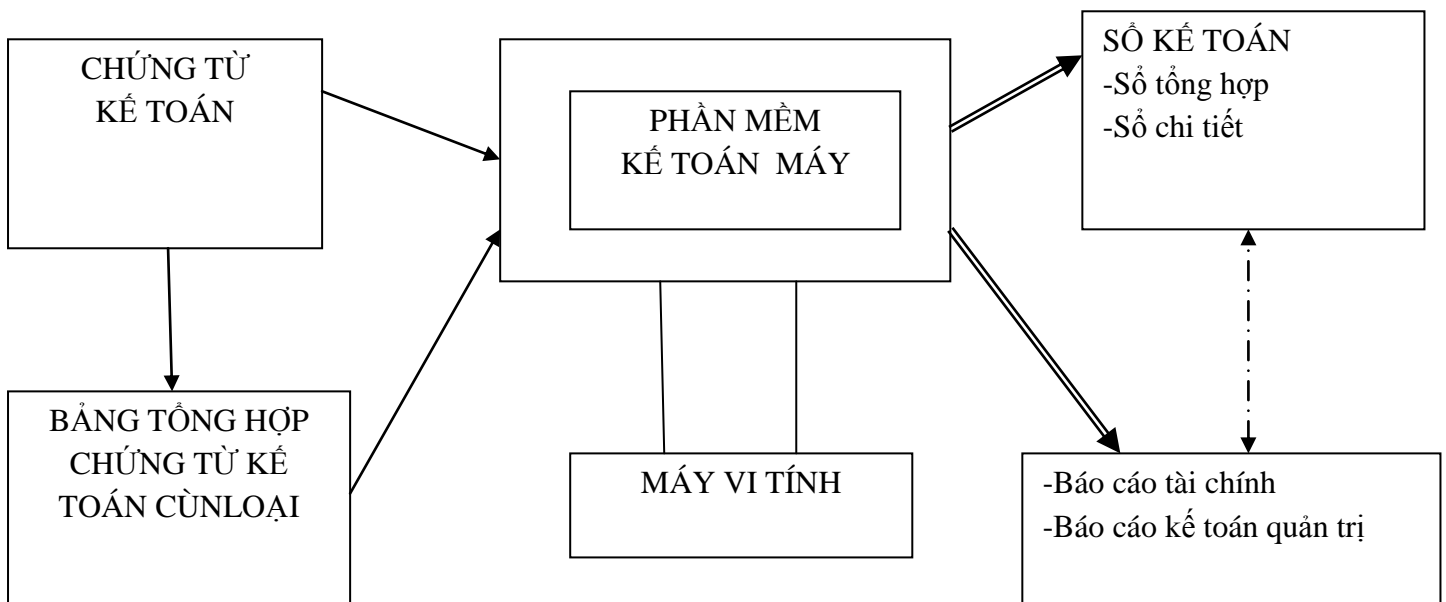
Công ty vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

2.1.3.3 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty

Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm kế toán máy UNESSCO theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Kỳ kế toán của công ty bắt đầu ngày 01/01 đến hết ngày 31/12

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ⇄ : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính

Giới thiệu phần mềm kế toán UNESCO

UNESCO là một phần mềm có mức độ tự động hóa cao. UNESCO luôn có khả năng trợ giúp cho các nhân viên kế toán một cách tối đa, nhân viên kế toán chỉ phải thực hiện một số ít các thao tác còn lại.

Màn hình UNESCO được thiết kế bao gồm những phần sau:

- Nhập chứng từ : kế toán vào phần đó để nhập dữ liệu vào trong máy
- Kế toán chi tiết : khi dữ liệu được nhập vào máy thì phần mềm kế toán sẽ tự đi vào các sổ chi tiết, sổ cái,...
- Kế toán tổng hợp: bao gồm sổ nhật ký chung, sổ tổng hợp công nợ... bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính, giúp kế toán dễ dàng theo dõi
- Báo cáo quản trị



Hình 01

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty

Doanh thu tại công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm:

- Máy bộ đàm
- Máy thông tin (Loại 1,2)
- Dây anten (Loại 1,2)
- Anten định vị (Loại 1,2)
- Cáp đồng trục
- La bàn

.....

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- các chứng từ có liên quan khác

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 111,112,131,3331.....

2.2.1.4 Quy trình hạch toán

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã được ký kết, kế toán phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng quy định ghi trong hợp đồng hay không. Từ đó kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT về bán thành phẩm (gồm 3 liên)

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện in các sổ sách kế toán, báo cáo tài chính.

Vi dụ 01 :

Ngày 8/12/2010 công ty xuất bán dây anten MF/HF, cáp đồng trục, anten M27 cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông với số tiền trước thuế là :1.719.000, VAT :171.900, tổng cộng tiền thanh toán : 1.890.900

Kế toán nhập dữ liệu vào máy tính theo các bước sau:

- Vào nhập chứng từ (Hình 01) trên màn hình máy tính sẽ lên giao diện như hình(Hình 02), kế toán sẽ kích vào nút **bán hàng**

- Nhập chứng từ các thông tin chung (Hình 04)

+ Tháng 12

+ Ngày 8/12/2010

+ Kênh phân phối và ngày ghi sổ phần mềm tự nhảy

+ Số hiệu BH 12/02 (hóa đơn bán hàng tháng 12 và số thứ tự 02)

+ Kho hàng : kho hàng hóa

+ Diễn giải: Doanh thu bán cáp dây anten, cáp đồng trục – Công ty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông

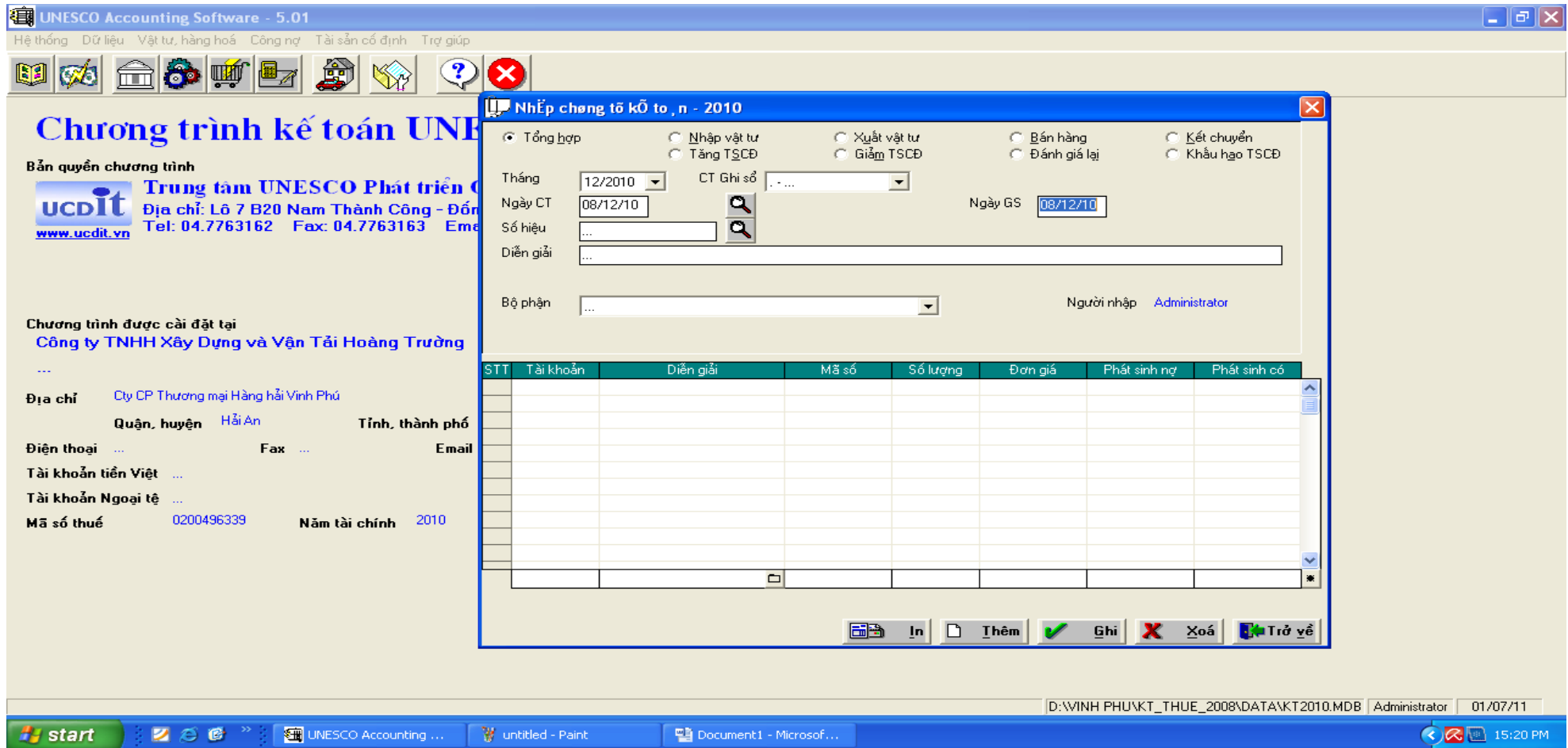
-Kế toán ấn phím **Tab** để xuống phần tài khoản đánh số hiệu TK 5111, sau đó ấn lại phím **Tab** sang phần **Diễn giải/Enter**, lúc này trên màn hình giao diện sẽ hiện lên các mặt hàng trong kho hàng hóa và kế toán sẽ chọn mặt hàng mình cần nhập dữ liệu. Cột **Mã số** phần mềm sẽ tự nhảy tương ứng với các mặt hàng mà kế toán đã chọn. Kế toán cứ lần lượt ấn phím **Tab** để sang cột số lượng, đơn giá, phát sinh nợ, phát sinh có và điền dữ liệu vào máy.

-Tương tự kế toán nhập dữ liệu các tài khoản khác như các bước ở trên. Sau khi nhập xong một nghiệp vụ kế toán phát sinh, kế toán sẽ chọn nút biểu tượng “ * “ hoặc ấn phím **Alt G** để ghi dữ liệu vào máy.

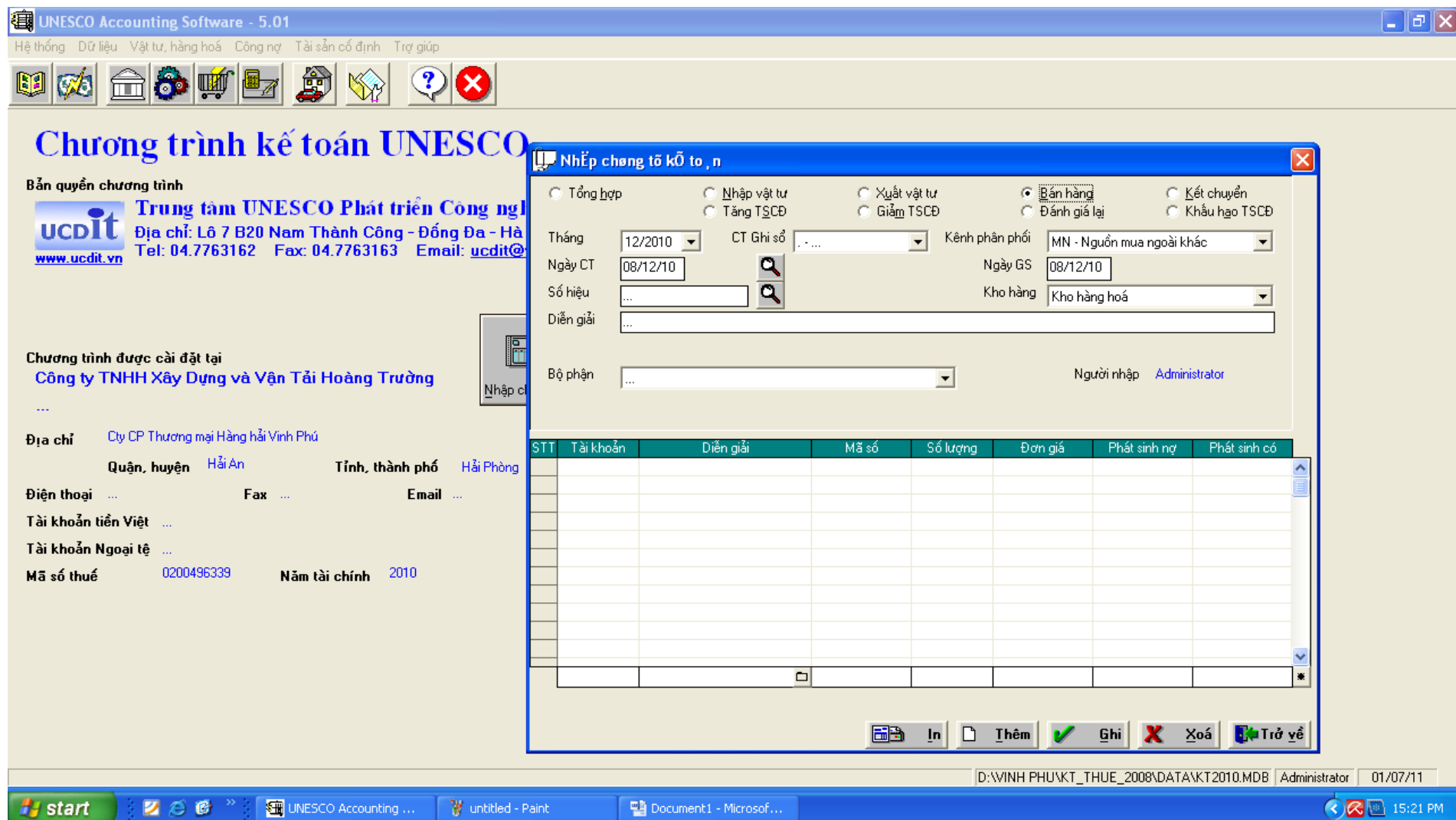
-Để in phiếu kế toán, kế toán kích chuột vào nút **In** trên thanh công cụ, chọn loại máy in và in ra phiếu hạch toán.

-Để in sổ nhật ký chung, sổ cái thì kế toán kích vào phần **Kế toán tổng hợp** chọn dòng nhật ký chung hoặc dòng sổ cái

-Để xem sổ chi tiết kế toán kích vào phần **kế toán chi tiết** (Hình 01), sau đó chọn sổ chi tiết. Để in ra sổ chi tiết thì kế toán đánh số hiệu vào tài khoản đó (Hình 05)



Hình 02



Hình 03

UNESCO Accounting Software - 5.01

Hệ thống Dữ liệu Vật tư, hàng hoá Công nợ Tài sản cố định Trợ giúp

Chương trình kế toán UNESCO

Bản quyền chương trình

UCDit Trung tâm UNESCO Phát triển
 Địa chỉ: Lô 7 B20 Nam Thành Công - Đ
 Tel: 04.7763162 Fax: 04.7763163 E

Chương trình được cài đặt tại
 Công ty TNHH Xây Dựng và Vận Tải Hoàng Trường

Địa chỉ Cty CP Thương mại Hàng hải Vinh Phú
 Quận, huyện Hải An Tỉnh, thành phố
 Điện thoại Fax Em
 Tài khoản tiền Việt
 Tài khoản Ngoại tệ
 Mã số thuế 0200496339 Năm tài chính 2010

Sửa @æi nội dung chơng tồ

Tổng hợp
 Nhập vật tư
 Xuất vật tư
 Bán hàng
 Kết chuyển
 Tăng TSCĐ
 Giảm TSCĐ
 Đánh giá lại
 Khấu hao TSCĐ

Tháng: 12/2010
 CT Ghi sổ:
 Kênh phân phối: MN - Nguồn mua ngoài khác
 Ngày CT: 08/12/10
 Ngày GS: 08/12/10
 Số hiệu: BH12/02
 Kho hàng: Kho hàng hoá
 Diễn giải: Doanh thu bán hàng cho Cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông
 Bộ phận:
 Người nhập: Administrator

STT	Tài khoản	Diễn giải	Mã số	Số lượng	Đơn giá	Phát sinh nợ	Phát sinh có
1	5111	An ten M-27	1561139	1.00	454,000.00		454,000
2	5111	Cáp đồng trục	1561182	20.00	36,000.00		720,000
3	5111	An ten M-27	1561139	1.00	545,000.00		545,000
4	333111	Thuế GTGT đầu ra phải nộp	10				171,900
5	1311	Cty CP thiết bị bưu chính viễn	131060			1,890,900	
						0	0

2 Hoá đơn In Thêm Ghi Xóa Trở về

D:\VINH PHU\KT_THUE_2008\DATA\KT2010.MDB Administrator 01/07/11

start UNESCO Accounting ... untitled - Paint Document1 - Microsof... 15:23 PM

Hình 04

Biểu 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra


HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01/GTKT-3LL
KX/2010B
0037735

Liên 3: Nối bộ
Ngày: 8 tháng 12 năm 2010

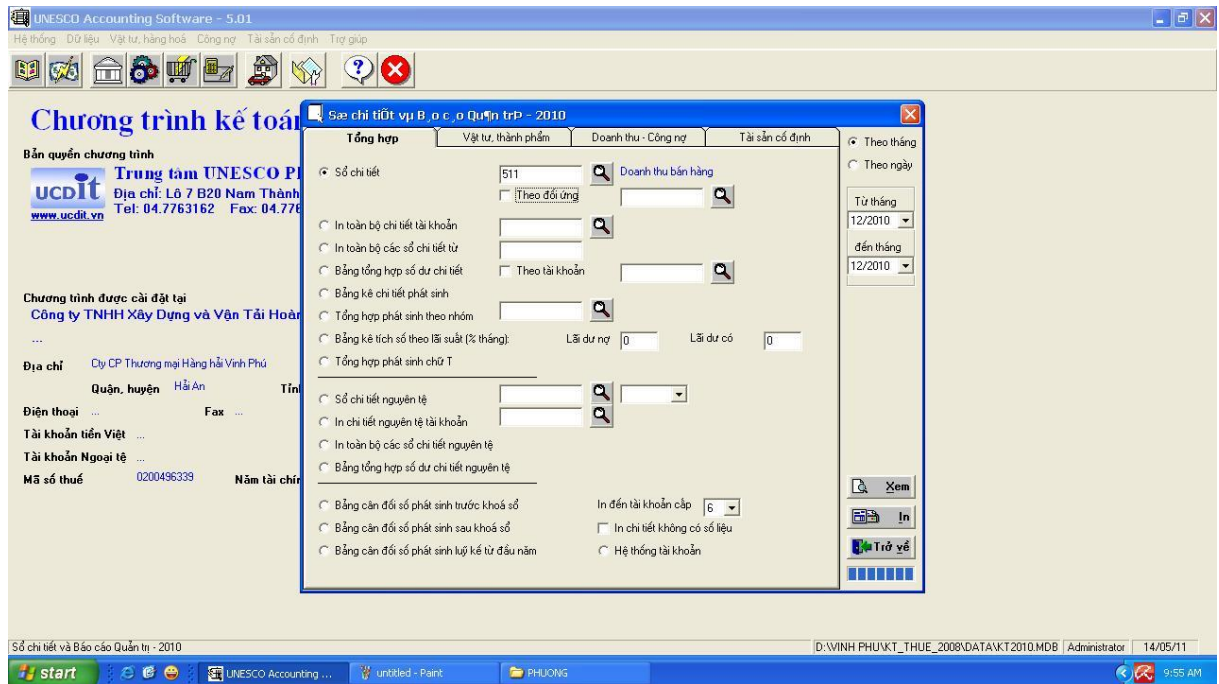
Đơn vị bán hàng: _____
Địa chỉ: _____
Số tài khoản: _____
Điện thoại: _____ MS: _____

Họ tên người mua hàng: _____
Tên đơn vị: Công ty CP Thiết bị biển chính & viễn thông Thanh đồng
Địa chỉ: 34 ngách 12/13 Phan Đình Giót Phường Lê Thanh Xuân + HN
Số tài khoản: _____
Hình thức thanh toán: TM/CK MS: 01 04 77 299 8

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dây arden MF/HF	BỘ	01	545.000	545.000
2	Cáp đồng trục	m	20	36.000	720.000
3	Anten M 27	BỘ	01	454.000	454.000
Cộng tiền hàng:					1.719.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					171.900
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.890.900
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm chín mươi ngàn chín trăm đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thuế đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI		 PHẠM VĂN CHĂNG		PHẠM VĂN CHĂNG	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hoàn thiện công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Cty CPTM Hàng Hải Vinh Phú



Hình 05

Công ty CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12 đến 31/12

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
...
9	BH12/02	8/12/2010	8/12/2010	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị buro chính viễn thông Thành Đông <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i> <i>Thuế GTGT phải nộp</i> <i>Doanh thu bán hàng</i>	1311 333111 5111	1.890.900	171.900 1.719.000
10	BH12/02GV	8/12/2010	8/12/2010	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị buro chính viễn thông Thành Đông <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Giá mua hàng hóa</i>	632 156	1.545.454	1.545.454
11	BH12/04	8/12/2010	8/12/2010	Doanh thu bán hàng cho CN thiết bị báo hiệu hàng hải <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i> <i>Thuế GTGT phải nộp</i> <i>Doanh thu bán hàng</i>	1311 333111 5111	80.124.000	7.284.000 72.840.000
..
75	KC_7	31/12/2010	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> <i>Xác định kết quả kinh doanh</i>	511 911	337.909.000	337.909.000
...

Tổng số phát sinh 3.484.268.234 3.484.268.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.2: Trích Nhật ký chung tháng 12/2010

Công ty CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

511- Doanh thu bán hàng

Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ:

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
BH12/01	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán thiết bị cho cty CP đầu tư du lịch Quang Minh VINASHIN	1311		1.000.000	1.000.000
BH12/02	08/12/2011	08/12/2011	Doanh thu bán thiết bị cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	1311		1.719.000	2.719.000
BH12/03	08/12/2011	08/12/2011	Doanh thu bán thiết bị cho CN cty CP điện tử Hàng hải	1311		38.520.000	38.520.000
...
BH12/14	31/12/2011	31/12/2011	Doanh thu lắp đặt thiết bị hàng hải tàu VH725-XN cơ khí tàu thuyền&KDTH cty TNHH MTV 128	1311		20.600.000	20.600.000
KC_7	31/12/2011	31/12/2011	KC doanh thu bán hàng	911	337.909.000		
Tổng phát sinh :						337.909.000	337.909.000
Phát sinh lũy kế:						3.929.011.230	3.929.011.230
						Số dư cuối kỳ:	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.3: Trích sổ cái TK511 tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN
TK 1311-131060: Cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông
Tháng 12/2010

Ngày Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đôi ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
08/12/10	BH12/02	08/12/10	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	333111	171.900		171.900	
08/12/10	BH12/02	08/12/10	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	5111	1.719.000		1.890.900	
08/12/10	PT12/03	08/12/10	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	1111		1.890.900		
			Tổng phát sinh		1.890.900	1.890.900		
			Phát sinh lũy kế		1.890.900	1.890.900		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.4: Sổ chi tiết thanh toán

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
1311- Phải thu của người mua và người giao thầu
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ: 2.746.510

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn giải	Đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư
BH12/01	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán thiết bị cho cty CP đầu tư du lịch Quang Minh Vinashin	1311		1.000.000	1.000.000
BH12/02	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán thiết bị cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	5111	1.719.000		2.562.900
BH12/02	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán thiết bị cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	33311	171.900		1.908.000
BH12/03	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán thiết bị cho CN cty CP điện tử Hàng Hải	5111	38.520.000		5.680.000
BH12/03	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán thiết bị cho CN cty CP điện tử Hàng Hải	33311	3.852.000		1.342.777
						
Tổng phát sinh :					233.893.000	243.924.000	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.5: Trích sổ chi tiết TK 131- Phải thu khách hàng

Công ty CPTM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

Số: BH12/02

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 8 tháng 12 năm 2011

Nội dung: Doanh thu bán dây anten, cáp đồng trục

Tên khách hàng: Công ty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông

MST: 0104772998

Ghi nợ: 131 Số tiền: 1.890.900

Ghi có: 511 Số tiền: 1.719.000

Ghi có: 333 Số tiền: 171.900

Kèm theo 01 hóa đơn

Người lập biểu

(Ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6: Phiếu hạch toán

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty CP TM hàng hải Vinh Phú

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT đầu ra.
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê bán hàng, hợp đồng bán hàng, hợp đồng giao nhận

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 155 – Thành phẩm

Ví dụ 02 :

Từ HĐGTGT số 0037735 (Biểu 01) khi kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm kế toán sẽ tự động in số liệu ra phiếu xuất kho (biểu 07), các sổ liên quan sổ NKC (Biểu 08), Sổ Cái TK 632 (Biểu 09). Đến cuối tháng kế toán thực hiện thao tác kết chuyển TK 632 sang 911 để xác định KQKD. Thao tác cụ thể như sau:

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

PHIẾU XUẤT

08/12/210

Nợ :632

Số : BH12/02GV

Có :1561

Họ tên người nhận hàng

Xuất tại kho: Kho hàng hóa

Mã số KH: 131060 Tên KH : Cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đ.v.t	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Cáp đồng trục	1561182	m	20		30.000	620.000
2	An ten	1561139	Bộ	01		430.454	430.454
3	An ten	1561139	Bộ	01		495.000	495.000
	Cộng						1.545.454

Tổng giá trị : **1.545.454**

Cộng thành tiền : *Một triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng./.*

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách cung tiêu Người nhận Thủ kho

Biểu 2.7 : Phiếu xuất kho

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12/2010

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
...
13	BH12/02GV	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Giá mua hàng hóa</i>	632 1561	1.545.454	1.545.454
14	PT12/02	08/12/2010	08/12/2010	Thu tiền bán thiết bị HH-cty CPĐTDL Quang Minh Vinashin <i>Tiền Việt Nam</i> <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i>	1111 1311	1.100.000	1.100.000
15	PT12/03	08/12/2010	08/12/2010	Thu tiền bán TBHH-Cty CP TB bưu chính viễn thông Thành Đông <i>Tiền Việt Nam</i> <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i>	1111 1311	1.890.000	1.890.000
16	BH12/03GV	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán hàng cho CN cty CP điện tử Hàng Hải <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Giá mua hàng hóa</i>	632 1561	38.010.851	38.010.851
..
72	KC-4	31/12/2010	31/12/2010	KC giá vốn hàng bán <i>Xác định kết quả giá vốn hàng bán</i> <i>Giá vốn hàng bán</i>	911 632	291.181.736	291.181.736
...

Tổng số phát sinh 3.484.268.234 3.484.268.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.8: Trích sổ nhật ký chung tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

632- Giá vốn hàng bán

Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứn g	PS Nợ	PS Có	Số dư
...
BH12/02GV	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán hàng hóa cho cty CP thiết bị bưu chính Thành Đông	1561	1.545.454		1.965.454
BH12/03GV	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán hàng cho CN cty CP điện tử Hàng Hải	1561	38.010.851		39.976.305
BH12/04GV	08/12/2010	08/12/2010	Doanh thu bán hàng cho CN cty CP điện tử Hàng Hải	1561	67.905.557		107.881.862
...
KC-4	31/12/2010	31/12/2010	KC giá vốn hàng bán	911		291.181.736	
Tổng phát sinh :					291.181.736	291.181.736	
Phát sinh lũy kế:					3.632.187.161	3.632.187.161	
					Số dư cuối kỳ:		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.9: Trích sổ cái TK 632 tháng 12/2010

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- + Hoá đơn GTGT
- + Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán
- + bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ....
- + Báo nợ

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ví dụ 03 :

Ngày 15/12/2010 Thanh toán tiền cước điện thoại. Từ HĐ GTGT đầu vào(Biểu 10) Kế toán sẽ nhập số liệu viết phiếu chi trên máy(Biểu 11)



HOA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
 TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
 Liên 2: Giao khách hàng (Customer)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03 **VT01**
 Ký hiệu (Serial No): **AD/2009T**
 Số (No): **937291** đ

Mã số: 0 2 0 0 2 8 7 9 7 7 0 2 2



04028751022010

TT Dịch Vụ Khách Hàng - VTHP - Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (Customer's name): MS: 0 2 0 0 6 0 7 5 8 5

Công.Ty.Cổ.Phần.Thương.Mại.Hàng.Hải.Vinh.Phú

Địa chỉ (Address): 497. Lê.Thánh.Tông. Máy.Chai. Ngô.Quyển

Số điện thoại (Tel): 3.7.6.5.0.5.3 Mã số (code): HFG-04-028751 (T38VITTONG1)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
Kỳ hoá đơn Tháng 12/2010 (Tính từ ngày 26/11/2010 đến hết ngày 28/12/2010)	
a - Cuộc dịch vụ viễn thông	74 420
b - Cuộc dịch vụ viễn thông không thuế	0
c - Chiết khấu + Đa dịch vụ	0
d - Khuyến mại	0
e - Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):	74 420
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):	7 442
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):	81 862

IN TÀI CÔNG TY, C/P DV, VIỄN THÔNG VÀ IN BÀI ĐIỆN

Theo công văn số 930/TC/CS ngày 28/2/2008 của TCT

Số tiền viết bằng chữ (In words):

Tám mươi một ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng.

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Ngày 15 tháng 12 năm 20 10
 Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu 2.10: Hóa đơn thanh toán cước dịch vụ viễn thông

MST: 0200607585

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

TK ghi	Số tiền
Nợ 642	74.420
Nợ 133	7.442
Có 111	81.862

Họ và tên người nhận : Lê Thị Mai Trang
Địa chỉ : Thủ quỹ
Lý do chi : Thanh toán tiền điện thoại tháng 11
Số tiền : 81.862 VNĐ
Số tiền bằng chữ : Tám mươi một nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng./.
Kèm theo : 01 HĐ GTGT
Đã nhận đủ số tiền :.....

Người lập biểu Thủ quỹ Người nhận tiền Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu 2.11: Phiếu chi – thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2010

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12/2010

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
...
22	PC12/03	15/12/2010	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2010	642 133111 1111	74.420 7.442	81.862
23	PN12/03	15/12/2010	15/12/2010	Nhập kho mát VHF M36 – Cty Hà Anh <i>Giá mua hàng hóa</i> <i>Phải trả cho người bán</i>	1561 3311	11.454.545	11.454.545
24	BC12/01	15/12/2010	15/12/2010	XN thiết bị báo hiệu hàng hải miền bắc chuyển trả tiền mua linh kiện điện tử <i>NH INDOVINA chi nhánh HP</i> <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i>	112101 1311	80.124.000	80.124.000
25	BHT12/01	15/12/2010	15/12/2010	Chi phí tiền mua máy dò- CN cty CP thiết bị hàng hải HN <i>Thuế GTGT được khấu trừ</i> <i>Phải trả người bán</i>	133111 3311	3.181.820	3.181.820
..
74	KC_6	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí quản lý doanh nghiệp <i>Xác định kết quả kinh doanh</i> <i>Chi phí bằng tiền khác</i>	911 6428	5.451.000	5.451.000
...
Tổng số phát sinh						3.484.268.234	3.484.268.234

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Biểu 2. 12: Trích sổ nhật ký chung tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
642-Chi phí quản lý kinh doanh
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứn g	PS Nợ	PS Có	Số dư
...
PC12/03	15/12/2010	15/12/2010	Thanh toán tiền cước điện thoại	1111	74.420		176.094
BN12/02	17/12/2010	17/12/2010	Chuyển trả phí dịch vụ NH INDOVINA T11/2010	1121	11.000		11.111
BN12/05	28/12/2010	28/12/2010	Chuyển trả phí dịch vụ NH INDOVINA T12/2010	1121	11.000		22.000
...
KC_6	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí quản lý DN	911		5.451.000	
Tổng phát sinh :					5.451.000	5.451.000	
Phát sinh lũy kế:					241.386.035	241.386.035	
					Số dư cuối kỳ:		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.13: Trích sổ cái TK 642 tháng 12/2010

2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP TM hàng hải Vinh Phú

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ Ngân hàng
- Phiếu tính lãi, Phiếu trả lãi

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

TK 635 : Chi phí tài chính

TK 515 : Doanh thu từ hoạt động tài chính

Ví dụ 05 :

Ngày 25/12/2010 Nhập lãi tiền gửi NH VietBank T12/2010 về nhập quỹ công ty với số tiền là : 3.048((Biểu 16).Từ giấy báo có của ngân hàng kế toán sẽ ghi phiếu hạch toán (Biểu 17) như sau:



VIỆT NAM THƯƠNG TIN

VIETBANK - CN HAI PHONG

GIẤY BẢO CỐ

Ngày: 25-12-2010

Ma GDV:

Ma KH: 2109

Số GD: chưa có ngày mở thương

Kính gửi: CTY CP THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI VINH PHÚ

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CO: 974017

Số tiền bằng số: 3,048.00

Số tiền bằng chữ: BA NGAN KHONG TRAM BON MUOI TAM DONG CHAN

Nội dung: Lai nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát


Nguyễn Hồng Vân

Biểu 2.14: Giấy báo có ngân hàng

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

BC12/04

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Nội dung : Nhập lãi TKTG tại ngân hàng VietBank T12/2010

Ghi nợ : 112102

Số tiền : 3.048

Ghi có : 515

Số tiền : 3.048

Số tiền bằng chữ: *Ba ngàn không trăm bốn mươi tám đồng chẵn./.*

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.15: Phiếu hạch toán – nhập lãi TKTG tại ngân hàng VietBank

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12/2010

STT	Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	TK	PS nợ	PS có
...
45	BC12/04	25/12/2010	25/12/2010	Nhập lãi TKTG tại NH VietBank T12/2010 <i>NH Việt Nam Thương Tín</i> <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	112102 515	3.048	3.048
46	PHT12/07	27/12/2010	27/12/2010	Chi phí thiết kế công trình tại Cát Bà-TT tư vấn thiết kế xây dựng Thuế GTGT được khấu trừ <i>Xây dựng cơ bản</i> <i>Phải trả cho người bán</i>	133111 2412 3311	7.222.500 72.225.000	79.447.500
47	BC12/05	27/12/2010	27/12/2010	XN thiết kế báo hiệu hàng hải Miền Bắc-chuyển trả tiền hàng <i>NH INDOVINA chi nhánh HP</i> <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i>	112101 1311	70.554.000	70.554.000
48	BHT12/10	27/12/2010	27/12/2010	Doanh thu bán thiết bị cho XN thiết bị hàng hải Miền Bắc <i>Phải thu của người mua và người giao thầu</i> <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	632 1561	40.705.552	40.705.552
..
76	KC_8	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu HĐTC <i>Doanh thu HĐTC</i> <i>Xác định kết quả kinh doanh</i>	515 911	83.079	83.079
...

Tổng số phát sinh 3.484.268.234 3.484.268.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Biểu 2.16: Trích sổ nhật ký chung tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

515-Doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đ.ứng	PS Nợ	PS Có	Số dư
BC12/04	25/12/2010	25/12/2010	Nhập lãi TKTG tại NH VietBank T12/2010	1121		3.048	3.048
BC12/09	31/12/2010	31/12/2010	Nhập lãi TKTG tại NH Indovina T12/2010	1121		80.031	80.031
KC_8	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu HĐTC	911	83.079		
Tổng phát sinh :					83.079	83.079	
Phát sinh lũy kế:					1.026.817	1.026.817	
						Số dư cuối kỳ:	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.17: Sổ cái TK 515 tháng 12/2010

2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác trong doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

2.2.5.1 Chứng từ sử dụng

Phiếu hạch toán phản ánh kết chuyển

2.2.5.2 Tài khoản sử dụng

TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

TK 821: Chi phí thuế TNDN

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác kết chuyển, phần mềm sẽ tự động kết chuyển để xác định KQKD.

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC_4

Nội dung : Kết chuyển giá vốn hàng bán

Ghi nợ : 911

Số tiền : 291.181.736

Ghi có : 632

Số tiền : 291.181.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.18 : Phiếu hạch toán – KC giá vốn hàng bán

MST: 0200607585

PHIẾU HẠCH TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC_6

Nội dung : Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi nợ : 911
Ghi có : 6423

Số tiền : 5.451.000
Số tiền : 5.451.000

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 2.19 : Phiếu hạch toán – KC chi phí QLDN

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

Số: KC_7

PHIẾU HẠCH TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Nội dung : Kết chuyển doanh thu bán hàng và doanh thu dịch vụ lắp đặt sửa chữa

Ghi nợ : 5111
Ghi có : 911

Số tiền : 337.909.000
Số tiền : 337.909.000

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 2.20 : Phiếu hạch toán – KC doanh thu bán hàng

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

PHIẾU HẠCH TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC_8

Nội dung : Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Ghi nợ : 515

Số tiền : 83.079

Ghi có : 911

Số tiền : 83.079

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.21 : Phiếu hạch toán – KC doanh thu HĐTC

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

PHIẾU HẠCH TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC_10

Nội dung : Kết chuyển chi phí thuế

Ghi nợ : 8211

Số tiền : 14.116.213

Ghi có : 3334

Số tiền : 14.116.213

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.22 : Phiếu hạch toán – Xác định thuế TNDN

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

PHIẾU HẠCH TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC_11

Nội dung : Kết chuyển chi phí thuế

Ghi nợ : 911
Ghi có : 8211

Số tiền : 14.116.213
Số tiền : 14.116.213

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 2.23 : Phiếu hạch toán – KC chi phí thuế

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

PHIẾU HẠCH TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC_12

Nội dung : Kết chuyển lãi lỗ

Ghi nợ : 911
Ghi có : 4212

Số tiền : 27.243.130
Số tiền : 27.243.130

Kèm theo

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

Biểu 2.24 : Phiếu hạch toán – KC lãi lỗ

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú
MST: 0200607585

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
911- Xác định kết quả kinh doanh
Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đôi ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư
KC_7	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu bán hàng	5111		337.909.000	670.218.000
KC_8	31/12/2010	31/12/2010	KC doanh thu HĐTC	515		83.079	337.992.079
KC_11	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí thuê	8211	14.116.213		332.875.866
KC_12	31/12/2010	31/12/2010	KC lãi lỗ	4212	27.243.130		296.632.736
KC_4	31/12/2010	31/12/2010	KC giá vốn hàng bán	632	291.181.736		5.451.000
KC_6	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí QLDN	6423	5.451.000		200.378.296
Tổng phát sinh:					337.992.079	337.992.079	
Phát sinh lũy kế:					3.968.193.338	3.968.193.338	
							Số dư cuối kỳ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.25: Sổ cái TK 911 tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

821- Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đôi ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư
KC_11	31/12/2010	31/12/2010	KC chi phí thuê	911		14.116.213	14.116.213
KC_10	31/12/2010	31/12/2010	Trích chi phí thuế TNDN	3334	14.116.213		296.632.736
Tổng phát sinh:					14.116.213	14.116.213	
Phát sinh lũy kế:					14.116.213	14.116.213	
					Số dư cuối kỳ		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.26 : Sổ cái TK 821 tháng 12/2010

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 421-Lãi chưa phân phối

Tháng 12/2010

Số dư đầu kỳ :

Số CT	Ngày CT	Ngày GS	Diễn Giải	Đôi ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư
KC_12	31/12/2010	31/12/2010	KC lãi lỗ	911		27.243.130	45.642.693
Tổng phát sinh:						27.243.130	
Phát sinh lũy kế:					38.155.291	80.503.929	
						Số dư cuối kỳ	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.27 : Sổ cái TK 421 tháng 12/2010

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPTM HÀNG HẢI VINH PHÚ

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.

Công ty CPTM hàng hải Vinh Phú là một doanh nghiệp tuy mới thành lập nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường

Ngày nay khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình công ty, nhiều phương thức kinh doanh, và sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do Công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy mà doanh thu hàng năm của công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo năng động của Ban Giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ nhân viên trong công ty

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty CPTM hàng hải Vinh Phú, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình tận tụy của các nhân viên kế toán, em đã có điều kiện làm quen thực tế và áp dụng cùng cố những kiến thức đã học tại nhà trường.

Qua đó em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giả pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cty CPTM hàng hải Vinh Phú.

3.1.1 Ưu điểm

-Về bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn mô hình kế toán tập trung. Việc bố trí xây dựng bộ máy kế toán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, hạch toán nhanh chóng kịp thời của kế toán đối với các hoạt động phát sinh tại công ty, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ trình độ nghiệp vụ.

Bộ máy kế toán công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phân phối chặt chẽ, được chỉ đạo hệ thống từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của công ty.

Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng, đảm bảo sự thống nhất trong hạch toán nhưng không bị trùng lặp, đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu được dễ dàng tránh sai sót, đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết, để giúp Ban lãnh đạo Công ty đánh giá tình hình hoạt động, từ đó đề ra những mục tiêu và kế hoạch thích hợp, phù hợp với nhu cầu thị trường

-Về hình thức kế toán

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm máy vi tính, với phần mềm kế toán đang được sử dụng là UNESCO. Hiện nay việc áp dụng phần mềm kế toán đang được phổ biến với hầu hết các doanh nghiệp, nó không chỉ giảm bớt gánh nặng cho kế toán viên mà còn giúp cho việc hạch toán dễ dàng, nhanh chóng hơn. Phần mềm kế toán mà công ty lựa chọn phù hợp với quy mô, tình hình hoạt động, yêu cầu quản lý và trình độ quản lý của kế toán Công ty. Bên cạnh đó phần mềm tương đối thân thiện với người sử dụng, tạo điều kiện cho quá trình hạch toán của kế toán viên.

-Về hạch toán ban đầu

Các chứng từ cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do BTC quy định

Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chính từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Chứng từ sau khi sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ phận, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

-Về tài khoản kế toán

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó công ty cũng mở rộng theo dõi chi tiết cho một số đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

-Về đội ngũ kế toán của Công ty

Công ty có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và khả năng động với công việc. Hầu hết các kế toán viên đều có trình độ trình độ chuyên môn tương đối tốt, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc các nhân viên luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trau dồi bàn bạc các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, việc tổ chức công tác kế toán của công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

Về hệ thống sổ kế toán:

Để thích hợp với doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ, dễ chuyên môn hóa cán bộ kế toán, thích hợp với công việc kế toán bằng máy tại Công ty CP TM hàng hải Vinh Phú, công ty lựa chọn tổ chức bộ sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng công ty vẫn còn những hạn chế trong việc mở sổ chi tiết các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại công ty. Cụ thể là:

-Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì công ty có rất nhiều mặt hàng hóa khác nhau. Khi công ty không mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc sản xuất kinh doanh.

Về hệ thống tổ chức bộ máy kế toán:

Tuy bộ máy kế toán được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều , một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc

Về quá trình luân chuyển chứng từ:

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên trong quá trình luân chuyển, giữa các đơn vị này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, bị thất lạc.

Về tổ chức công tác kế toán quản trị trong công ty :

Trong thời gian thực tập tại công ty em nhận thấy công tác kế toán quản trị tại công ty chưa được chú trọng. Công tác kế toán của công ty mới chỉ thuần túy là kế toán tài chính. các thông tin do phòng kế toán cung cấp mới chỉ phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài Doanh nghiệp

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh

ng nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp ký, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì công cuộc đổi mới hiện nay.

Mặt khác kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham ra việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học. Ban quản lý công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành của tài sản, góp phần bảo vệ sử dụng hợp lý và sử dụng hiệu quả của đơn vị mình. Bên cạnh đó việc lập BCTC của công tác kế toán còn phục vụ công tác thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như : chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động.... để từ đó đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.2 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tạ công ty CPTM hàng hải Vinh Phú

3.2.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần phải đáp ứng các nhu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều có một cơ chế quản lý tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức tổ chức kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi

nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của từng doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý:

- Hoàn thiện phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

Trên cơ sở những yêu cầu của hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú. Em mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.2.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.

**** Giải pháp 1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty CP TM hàng hải Vinh Phú***

Để hoàn thiện hơn về sổ sách kế toán, công ty cần phải nâng cấp phần mềm kế toán: bổ sung vào phần mềm mẫu sổ chi tiết doanh thu và chi tiết giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng, bảng tổng hợp doanh thu theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tháng 12/2010

1561182-Cáp đồng trực-Đơn vị tính:m

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521)
08/12/10	BH12/02	08/12/10	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	1311	20	36.000	720.000		
			Doanh thu thuần		20	36.000	720.000		
			Giá vốn hàng bán				620.000		
			Lãi gộp				100.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 3.1: Sổ chi tiết doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tháng 12/2010

1561139-An ten M27-Đơn vị tính: Bộ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521)
08/12/10	BH12/02	08/12/10	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	1311	01	454.000	454.000		
			Doanh thu thuần		01	454.000	454.000		
			Giá vốn hàng bán				430.454		
			Lãi gộp				23.546		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 3.2: Sổ chi tiết doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tháng 12/2010

1561124-Dây Anten MF/HF -Đơn vị tính: Bộ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521)
08/12/10	BH12/02	08/12/10	Doanh thu bán hàng cho cty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	1311	01	454.000	454.000		
			Doanh thu thuần		01	454.000	454.000		
			Giá vốn hàng bán				430.454		
			Lãi gộp				23.546		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 3.3: Sổ chi tiết doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG THEO MẶT HÀNG

Tháng 12/2010

STT	Số hiệu	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền
						5.600.000
	HH	Hàng hóa				332.309.000
					
2	1561024	Dây anten MF/HF	Bộ	1,00	545.000	545.000
3	1561182	Cáp đồng trục	M	20,00	36.000	720.000
4	1561139	Anten M27	Bộ	1,00	454.000	454.000
					
		Tổng cộng				337.909.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 3.4: Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng theo mặt hàng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,631,641,642,142,242,335,632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
			-Số dư đầu kỳ						
			-Số phát sinh trong kỳ						
			-Cộng số phát sinh trong kỳ						
			-Ghi có TK						
			Số dư cuối kỳ						

Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 07), kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh và các sổ khác có liên quan

CÔNG TY CP TM hàng hải Vinh Phú

MST: 0200607585

Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm: Cáp đồng trục

Năm: 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
08/12	BH12/02GV	08/12	Doanh thu bán cáp đồng trục-Công ty CP thiết bị bưu chính viễn thông Thành Đông	156	20	30.000	620.000
			Cộng		20		620.000

****Giải pháp 2: Hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy kế toán và quá trình luân chuyển chứng từ***

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban của Công ty còn chậm trễ, các chứng từ được dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán vào cùng thời điểm, điều này gây ra nhiều ứ đọng, làm tăng khối lượng công việc cho kế toán viên tại phòng kế toán công ty, khi hạch toán dễ nhầm lẫn, sai sót. Vì vậy, công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

Công ty có thể tổ chức cho các kế toán viên tham gia các khóa học để bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ

Việc phân công công việc có thể điều chỉnh lại để giảm bớt gánh nặng cho kế toán, tránh một người ôm đồm quá nhiều công việc.

****Giải pháp 3 : Áp dụng kế toán quản trị trong công ty***

Kế toán quản trị là quy trình đa dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp. Giúp cho nhà quản lý xử lý các dữ kiện để đạt được các mục tiêu sau:

- Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng loại công trình, dịch vụ.
- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
- Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để có quyết định kinh doanh hợp lý.
- Từ những phân tích trên ta có thể áp dụng kế toán quản trị về Doanh thu, chi phí và xác định Kết quả kinh doanh cụ thể vào Công ty CP TM hàng hải Vinh Phú

Lập dự toán ngân sách ngắn hạn : dự toán tiêu thụ, kế hoạch sản xuất, Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, Đây là dự toán ngân sách được lập cho kỳ kế toán thường là một năm và được chia ra thành từng thời kỳ ngắn hơn

như: từng quý, từng tháng phù hợp với kỳ kế toán của doanh nghiệp nhằm thuận tiện cho việc đánh giá kết quả thực hiện và kế hoạch. Đặc điểm của dự toán này là được lập hàng năm trước khi niên độ kế toán kết thúc, nó định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp trong năm tiếp theo.

Sau khi các bộ phận trong Công ty trực tiếp chịu trách nhiệm lập dự toán ngân sách sản xuất, kinh doanh của bộ phận mình. Phòng kế toán trong Công ty có trách nhiệm tổng hợp các dự toán tiên hành kiểm tra và đánh giá thực hiện chi phí, phân tích mối quan hệ giữa Doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận giúp các nhà quản trị lựa chọn các quyết định về giá bán sản phẩm, khối lượng sản phẩm sản xuất kết cấu mặt hàng. . .nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn. Phân tích thông tin thích hợp giúp cho việc ra quyết định lựa chọn các phương án sản xuất kinh doanh như quyết định chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng sản xuất, quyết định nên tự sản xuất hay thuê ngoài gia công, . . .áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho các nhà quản lý của Doanh nghiệp có những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và khắc phục những mặt còn tồn tại.

3.2.4 Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.

Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập BCTC. Hơn nữa nhân viên kế toán còn phải là người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán Nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành hạch toán theo đúng quy định.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của công ty.
- Tiếp cận chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của công ty

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của cuốn luận văn tốt nghiệp với đề tài:
“ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại hàng hải Vinh Phú” .

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ...phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó công ty cổ phần thương mại hàng hải Vinh Phú đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty do trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty em xin phép mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các cô chú trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện chuyên đề này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô đặc biệt là cô giáo Nguyễn Thị Mai Linh cùng các cô chú phòng kế toán trong công ty cổ phần thương mại hàng hải Vinh Phú đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành chuyên đề.

Hải Phòng ngày....tháng.....năm....

Sinh viên

Lương Kim Phương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chế độ kế toán doanh nghiệp* - Quyển 1 - Bộ tài chính - NXB Tài chính - Hà Nội 2006
2. *Chế độ kế toán doanh nghiệp* - Quyển 2 - Bộ tài chính - NXB Tài chính - Hà Nội 2006
3. Các sổ sách chứng từ của Công ty TNHH sản xuất Trung Đức
4. www.ketoan.com.vn
5. *Giáo trình nguyên lý kế toán* - PGS. Nghiêm Văn Linh - NXB Tài chính - Hà Nội 2006

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản	3
1.1.2.1. Doanh thu	3
1.1.2.2. Chi phí	6
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	8
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	9
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	10
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	12
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	14
1.2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng.....	14
1.2.2.2 Tài khoản kế toán sử dụng.....	14
1.2.2.3 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán.....	16
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN	18
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	18
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	18
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán	20
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	22
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	22
1.2.5.2_ Tài khoản sử dụng	22
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	23
1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	25
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng: Hợp đồng mua bán, biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ.....	25
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng:	25
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	25
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	27
1.2.7.1 Chứng từ sử dụng:	27
1.2.7.2 Tài khoản sử dụng:	27
1.2.7.3 Phương pháp hạch toán	28
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI VINH PHÚ	30
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI VINH PHÚ	30

2.1 Khái quát chung về công ty CPTM hàng hải Vinh Phú	30
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	30
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	30
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty	32
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán	32
2.1.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại công ty	33
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty	33
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng	36
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng	36
2.2.1.4 Quy trình hạch toán	36
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty CP TM hàng hải Vinh Phú.....	48
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng	48
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng	48
2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.....	52
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng	52
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng	52
2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP TM hàng hải Vinh Phú.....	57
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng	57
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng	57
2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.....	62
2.2.5.1 Chứng từ sử dụng	62
2.2.5.2 Tài khoản sử dụng	62
CHƯƠNG III:MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPTM HÀNG HẢI VINH PHÚ	70
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.	70
3.1.1 Ưu điểm	71
3.1.2 Hạn chế	72
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.	73
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.....	73
3.2.2 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú	74
3.2.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện	74
3.2.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.....	75
3.2.4 Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM hàng hải Vinh Phú.....	83
KẾT LUẬN	85